

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2022/DS-PT

Ngày: 18-5-2022

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản  
và yêu cầu hủy hợp đồng CNQSDĐ

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Diệp.

*Các Thẩm phán:* Bà Phan Thị Mai Dung;

Ông Nguyễn Văn Bình.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Cẩm Vân, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:**  
Đặng Thị Châu – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2022/TLPT-DS ngày 28 tháng 02 năm 2022, về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”; do Bản án Dân sự sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 72/2022/QĐ-PT ngày 01 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1964; địa chỉ thường trú: Xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ tạm trú: Số 103, đường Trần Hưng Đạo, Khu phố 3, Phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn V1, sinh năm 1960; địa chỉ: khu phố M, Phường M, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (văn bản ủy quyền ký ngày 08-02-2020); có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc Q, sinh năm 1994; địa chỉ cư trú: xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: xã Th, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

3.2. Văn phòng Công chứng Trần Duy L; địa chỉ trụ sở: Khu phố M, Phường M, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Duy L, chức vụ: Trưởng Văn phòng; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Nguyễn Thị Ngọc Q- Bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 10-02-2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 06-10-2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị V và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Văn V1 trình bày:

Bà Nguyễn Thị V có cho chị Nguyễn Thị Ngọc Q vay tiền 02 lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 30-12-2019, tại Văn phòng Công chứng Trần Duy L, bà V cho chị Q vay 750.000.000 đồng, không làm giấy nợ.

Lần 2: Ngày 01-01-2020 tại nhà bà V, sau khi chị Q ký “Tờ cam kết ngày 01-01-2020”, bà V cho chị Q vay 250.000.000 đồng.

Tổng cộng 02 lần vay là 1.000.000.000 đồng (01 tỷ đồng), thỏa thuận lãi suất vay là 3%/tháng, thời hạn vay là 24 tháng, mục đích vay để trả nợ Ngân hàng. Để đảm bảo cho khoản vay thì ngày 30-12-2019 tại Văn phòng Công chứng Trần Duy L, chị Q có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho bên nhận chuyển nhượng là bà V đối với quyền sử dụng đất diện tích 518,2 m<sup>2</sup>, tại thửa đất số 12, tờ bản đồ số 113, tọa lạc tại ấp 1, xã Suối Ngô, huyện T, tỉnh Tây Ninh do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị Q đứng tên ngày 11-8-2015 (gọi tắt là HĐCNQSDĐ ngày 30-12-2019 giữa chị Q và bà V). Sau đó, chị Q có ký “Tờ cam kết ngày 01-01-2020”, nội dung chị Q vay bà V 01 tỷ đồng và trong vòng 03 tháng (phần ghi chú ghi trong vòng 02 tháng) nếu chị Q không đóng tiền lãi cho bà V thì bà V có quyền làm thủ tục điều chỉnh biến động nhận chuyển nhượng tài sản là quyền sử dụng đất nêu trên. Nhưng đến nay, chị Q không trả tiền vay và tiền lãi nào cho bà V.

Ngày 10-02-2020, bà V khởi kiện yêu cầu chị Q có nghĩa vụ trả cho bà V số tiền vay 01 tỷ đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 30-12-2019 đến ngày xét xử sơ thẩm. Ngày 06-10-2021, bà V có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu chị Q và chị Vân có nghĩa vụ liên đới trả cho bà V số tiền vay 01 tỷ đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 30-12-2019 đến ngày xét xử sơ thẩm; yêu cầu hủy HĐCNQSDĐ ngày 30-12-2019 giữa chị Q và bà V.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bà V thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Bà V yêu cầu một mình chị Q có nghĩa vụ trả cho bà V số tiền vay 01 tỷ đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 01-01-2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là 204.456.000 đồng (01 tỷ đồng X 24 tháng 19 ngày X 0,83%/tháng), tổng cộng là 1.204.456.000 đồng; không yêu cầu chị Vân có nghĩa vụ liên đới cùng với chị Q trả nợ cho bà V; yêu cầu hủy HĐCNQSDĐ

ngày 30-12-2019 giữa chị Q và bà V. Đồng thời, bà V đồng ý trả cho chị Q 01 bản chính Giấy chứng minh nhân và 01 bản chính GCNQSDĐ diện tích 518,2 m<sup>2</sup>, tại thửa đất số 12, tờ bản đồ số 113 do chị Q đứng tên.

*Bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Q trình bày:*

Khoảng cuối năm 2019 (ngày, tháng không nhớ), tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện T (Ngân hàng), chị ký vay của bà Nguyễn Thị V số tiền 650.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị Hồng V ký người làm chứng, thỏa thuận lãi suất vay 1.000.000 đồng thì tiền lãi mỗi ngày là 5.000 đồng, mục đích vay cho chị 150.000.000 đồng và vay cho chị Vân 500.000.000 đồng để trả nợ Ngân hàng và mua cây cao su thanh lý. Tại Ngân hàng thì bà V chỉ đưa cho chị và chị Vân 505.300.000 đồng để trả nợ Ngân hàng. Sau khi trả nợ và xóa đăng ký thế chấp thì Ngân hàng trả lại GCNQSDĐ cho chị thì chị có đưa cho bà V giữ bản chính GCNQSDĐ, diện tích 518,2 m<sup>2</sup>, tại thửa đất số 12, tờ bản đồ số 113, do chị đứng tên và bản chính giấy chứng minh nhân dân của chị để làm niềm tin. Cùng ngày tại nhà bà V thì bà V đưa cho chị Vân số tiền còn lại 144.700.000 đồng để đưa đủ số tiền vay 650.000.000 đồng.

Sau đó, chị và chị Vân nhờ bà V làm thủ tục vay Ngân hàng nhưng không được. Lúc này, bà V yêu cầu chị đến Văn phòng Công chứng Trần Duy L ký HĐCNQSDĐ ngày 30-12-2019 giữa chị Q và bà V đối với quyền sử dụng đất diện tích 518,2 m<sup>2</sup>, tại thửa đất số 12, tờ bản đồ số 113, số tiền chuyển nhượng là 01 tỷ đồng, bao gồm tiền nợ gốc 650.000.000 đồng vay trước đó, tiền lãi 100.000.000 đồng và bà V hứa cho chị vay thêm 250.000.000 đồng. Sau khi ký HĐCNQSDĐ ngày 30-12-2019, chị có ký “Tờ cam kết ngày 01-01-2020”, nội dung chị vay của bà V 01 tỷ đồng và có đưa cho bà V đọc, để bà V cho chị vay thêm 250.000.000 đồng nhưng bà V không cho chị vay thêm 250.000.000 đồng, không trả lại tờ cam kết vay 01 tỷ đồng và không trả lại giấy nợ 650.000.000 đồng. Sau đó, chị và chị Vân giữ tất cả các hợp đồng chuyển nhượng đã ký và nộp đơn ngăn chặn không cho bà V sang tên chuyển nhượng. Từ khi vay 650.000.000 đồng đến nay, chị và chị Vân chưa trả cho bà V được số tiền nợ gốc và nợ lãi nào. Nay chị chỉ đồng ý cùng với chị Vân trả cho bà V số tiền vay 650.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 01-01-2020 đến ngày xét xử sơ thẩm và đồng ý hủy HĐCNQSDĐ ngày 30-12-2019 giữa chị Q và bà V đối với quyền sử dụng đất diện tích 518,2 m<sup>2</sup>, tại thửa đất số 12, tờ bản đồ số 113.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Hồng V trình bày:*

Chị thống nhất theo lời trình bày của chị Nguyễn Thị Ngọc Q. Nay chị đồng ý cùng chị Q trả cho bà V số tiền vay 650.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 01-01-2020 đến ngày xét xử sơ thẩm và đồng ý hủy HĐCNQSDĐ ngày 30-12-2019 giữa chị Q và bà V đối với quyền sử dụng đất diện tích 518,2 m<sup>2</sup>, tại thửa đất số 12, tờ bản đồ số 113.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng Công chứng Trần Duy L do ông Trần Duy L đại diện trình bày:*

HĐCNQSDĐ số 10264 ngày 30-12-2019 tại Văn phòng Công chứng Trần Duy L giữa bên chuyển nhượng là chị Nguyễn Thị Ngọc Q, bên nhận chuyển nhượng là bà Nguyễn Thị V, đối với quyền sử dụng đất diện tích 518,2 m<sup>2</sup> tại thửa đất số 12, tờ bản đồ số 113, tọa lạc tại Tổ 1, ấp 1, xã Suối Ngô, huyện T, tỉnh Tây Ninh do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp GCNQSDĐ cho chị Q đứng tên ngày 11-8-2015 là hợp pháp vì hợp đồng này do ý chí tự nguyện của các bên, mục đích thực hiện HĐCNQSDĐ và tại thời điểm chuyển nhượng Văn phòng Công chứng Trần Duy L không nhận được đơn khiếu nại hoặc là văn bản ngăn chặn việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các cơ quan có thẩm quyền. Do đó, Văn phòng Công chứng Trần Duy L không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V về việc yêu cầu hủy HĐCNQSDĐ số 10264 ngày 30-12-2019 giữa chị Q và bà V vì không căn cứ.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:*

Căn cứ các Điều 124, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; các Điều 147, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” đối với chị Nguyễn Thị Ngọc Q.

1.1. Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc Q có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị V số tiền vay là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) và tiền lãi là 204.456.000 đồng (hai trăm lẻ bốn triệu, bốn trăm năm mươi sáu nghìn đồng). Tổng cộng là 1.204.456.000 đồng (một tỷ, hai trăm lẻ bốn triệu, bốn trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

1.2. Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 30-12-2019 tại Văn phòng Công chứng Trần Duy L giữa bên chuyển nhượng là chị Nguyễn Thị Ngọc Q, bên nhận chuyển nhượng là bà Nguyễn Thị V, đối với quyền sử dụng đất diện tích 518,2 m<sup>2</sup> tại thửa đất số 12, tờ bản đồ số 113, tọa lạc tại Tổ 1, ấp 1, xã Suối Ngô, huyện T, tỉnh Tây Ninh do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị Nguyễn Thị Ngọc Q đứng tên ngày 11-8-2015 là vô hiệu.

1.3. Ghi nhận bà Nguyễn Thị V đồng ý trả cho chị Nguyễn Thị Ngọc Q 01 (một) bản chính Giấy chứng minh nhân dân số 291070765 do Công an tỉnh Tây Ninh cấp cho chị Nguyễn Thị Ngọc Q đứng tên ngày 03-12-2013 và 01 (một) bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành: BS 686132, số vào sổ cấp GCN: CS01737, diện tích 518,2 m<sup>2</sup>, tại thửa đất số 12, tờ bản đồ

số 113, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp cho chị Nguyễn Thị Ngọc Q đứng tên ngày 11-8-2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án.

Ngày 26 tháng 01 năm 2022 chị Nguyễn Thị Ngọc Q có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng tuyên buộc chị Nguyễn Thị Hồng V có nghĩa vụ liên đới trả cho bà V 650.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất là 0,83% tháng từ ngày 01-01-2020 đến khi giải quyết xong vụ án, sửa án phí theo đúng quy định của pháp luật.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa;

+ Về nội dung: Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Chị Q kháng cáo nhưng không xuất trình thêm chứng cứ mới nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị Q giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về tố tụng:

Sau khi Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm ngày 20-01-2022 đến ngày 26-01-2022 chị Nguyễn Thị Ngọc Q có đơn kháng cáo và có nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Xét thấy việc kháng cáo của chị Q là đảm bảo theo quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của chị Q.

Chị Q trình bày chị chỉ vay tiền của bà V 650.000.000 đồng có làm giấy nợ do bà V giữ và “Tờ cam kết” ngày 01-01-2020 vay 01 tỷ đồng để bà V đưa thêm cho chị vay 250.000.000 đồng, bà V không đưa số tiền còn lại. Nhưng bà V không thừa nhận và chị Q cũng không xuất trình được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của chị. Mặt khác tại “Tờ cam kết” ngày 01-01-2020 nội dung tờ cam kết thể hiện số tiền 01 tỷ đồng và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất để che giấu hợp đồng vay cũng thể hiện số tiền 01 tỷ đồng. Do đó, không có căn cứ xác định chị Q vay của bà V 650.000.000 đồng như chị Q trình bày. Tòa án cấp sơ thẩm xác định số tiền chị Q vay của bà V 01 tỷ đồng là có căn cứ.

Chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Nội dung “Tờ cam kết” tại vị trí “Người làm chứng” chị Nguyễn Thị Hồng V kí tên. Như vậy chị Vân kí tên với tư cách là người làm chứng không phải người vay. Chị Q cho rằng chị Vân và chị Q cùng vay nhưng chị không xuất trình được chứng cứ chứng minh chị Vân cùng vay tiền với chị, mặc dù chị Vân đồng ý đây là số tiền cả 02 cùng vay và đồng ý cùng chị Q trả nợ. Đồng thời bà V cũng không thừa nhận và cho rằng chỉ chị Q vay tiền và yêu cầu chị Q trả cho bà. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là số tiền chị Q vay của bà V không buộc chị Vân cùng trả nợ với chị là có căn cứ.

Chị Q kháng cáo yêu cầu sửa án phí theo đúng quy định của pháp luật: Tòa án cấp phúc thẩm nhận thấy việc xác định số tiền vay và tiền lãi của Tòa án cấp sơ thẩm là đúng pháp luật, không có sự thay đổi. Do đó án phí vẫn giữ nguyên như bản án sơ thẩm đã tuyên.

Chị Q kháng cáo nhưng không xuất trình thêm chứng cứ khác, nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn; Chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T.

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do kháng cáo không được chấp nhận nên chị Nguyễn Thị Ngọc Q phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Ngọc Q; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh.

1. Căn cứ các Điều 124, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; các Điều 147, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” đối với chị Nguyễn Thị Ngọc Q.

1.1. Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc Q có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị V số tiền vay là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) và tiền lãi là 204.456.000 đồng (hai trăm lẻ bốn triệu, bốn trăm năm mươi sáu nghìn đồng). Tổng cộng là 1.204.456.000 đồng (một tỷ, hai trăm lẻ bốn triệu, bốn trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày 21-01-2022 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

1.2. Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 30-12-2019 tại Văn phòng Công chứng Trần Duy L giữa bên chuyển nhượng là chị Nguyễn Thị Ngọc Q, bên nhận chuyển nhượng là bà Nguyễn Thị V, đối với quyền sử dụng đất diện tích 518,2 m<sup>2</sup> tại thửa đất số 12, tờ bản đồ số 113, tọa lạc tại Tổ 1, ấp 1, xã Suối Ngô, huyện T, tỉnh Tây Ninh do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị Nguyễn Thị Ngọc Q đứng tên ngày 11-8-2015 là vô hiệu.

1.3. Ghi nhận bà Nguyễn Thị V đồng ý trả cho chị Nguyễn Thị Ngọc Q 01 (một) bản chính Giấy chứng minh nhân dân số 291070765 do Công an tỉnh Tây Ninh cấp cho chị Nguyễn Thị Ngọc Q đứng tên ngày 03-12-2013 và 01 (một) bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành: BS 686132, số vào sổ cấp GCN: CS01737, diện tích 518,2 m<sup>2</sup>, tại thửa đất số 12, tờ bản đồ số 113, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp cho chị Nguyễn Thị Ngọc Q đứng tên ngày 11-8-2015.

## 2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Ngọc Q phải chịu 48.433.500 đồng (Bốn mươi tám triệu, bốn trăm ba mươi ba ngàn năm trăm đồng)

Bà Nguyễn Thị V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị V 29.848.000 đồng (Hai mươi chín triệu tám trăm bốn mươi tám ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo 02 Biên lai thu số: 0000411 ngày 24-02-2020 và biên lai thu số 0006769 ngày 11-10-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh.

## 3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Chị Nguyễn Thị Ngọc Q phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0007066 ngày 26-01-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

## 5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

### Nơi nhận:

- VKSND.TTN;
- TAND. huyện T;
- Chi cục THADS. huyện T;
- Phòng KTNV. TATTN;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
**(Đã ký)**

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án DSPT.

**Phạm Văn Diệp**



